

Bản án số: **79/2023/DS-PT**

Ngày: 10/3/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Phan Thị Hồng Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ô. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Phước D.**, sinh năm 1962.

Bà **Phạm Thanh H.**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 111, khu vực 11, phường C., quận Ô., thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Văn Sỹ**, là Luật sư thuộc Công ty Luật A. của Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: 253AC2, đường số 4, khu dân cư CS., khu vực 02, phường AB., quận N., thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Đỗ Minh T.**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 32, khu vực 05, phường C., quận Ô., thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Cao Trung S.**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu vực 05, phường C., quận Ô., Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Trần Phước D., bà Phạm Thanh H. trình bày:

Do quen biết là chỗ làm ăn với nhau nên ông D., bà H. có cho bà Đỗ Minh T. vay tiền, có làm biên nhận, cụ thể như sau:

Biên nhận ngày 4/7/2016 (âm lịch), bà T. vay số tiền 780.000.000 đồng (Bảy trăm, tám mươi triệu đồng).

Biên nhận ngày 01/8/2016 (âm lịch), bà T. vay số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm, bảy mươi triệu đồng).

Đến ngày 15/03/2019 (âm lịch), bà T. ghi lại biên nhận tổng của Biên nhận ngày 4/7/2016 vay số tiền 780.000.000 đồng và Biên nhận ngày 01/8/2016 vay số tiền 370.000.000 đồng. Tổng số tiền ông bà cho bà T. vay là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), đây là nợ gốc.

Tính từ ngày cho vay đến ngày 15/03/2019 Al, bà T. trả được 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) tiền lãi, chưa trả được số tiền gốc nào.

Do nợ đã quá hạn, bà T. hứa trả nhiều lần nhưng không thực hiện, nay ông D. và bà H. yêu cầu bà T. trả tổng số nợ gốc là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi: 790.686.000 đồng + 370.906.500 đồng = 1.161.592.500 đồng. Tổng số nợ gốc và lãi yêu cầu bà T. phải trả là: 2.311.592.500 đồng (hai tỷ, ba trăm mười một triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Khi cho vay, bà H. và ông D. chỉ gặp và trao đổi với bà T., đưa tiền cho bà T., bà T. đóng lãi. Ông bà không có gặp và không có thỏa thuận với ông S.. Nhưng do bà T. và ông S. là vợ chồng nên ông D. và bà H. khởi kiện yêu cầu bà T. và ông S. có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên.

Tại bản tự khai đề ngày 16/6/2022 và quá trình giải quyết, bị đơn bà Đỗ Minh T. trình bày:

Do chỗ quen biết, bà T. và ông D., bà H. (Quyên) có qua lại làm ăn với nhau từ năm 2013. Bà T. thừa nhận chỉ nợ ông D. bà H. số tiền gốc là 470.000.000 đồng, 780.000.000 đồng, đối với số tiền theo các biên nhận nợ do ông D. cung cấp là cộng dồn vốn và lãi lại thành biên nhận mới, nhưng bà không ghi rõ trong biên nhận số tiền lãi. Hai bên có làm ăn với nhau từ năm 2013 nhưng không có biên nhận, đến năm 2016 mới gom nợ và viết biên nhận mới theo yêu cầu của ông D. (ông D. ghi sẵn ra tờ giấy để bà ghi theo – giấy này ghi ngày 15/3/2019 Âm lịch), biên nhận này số tiền là đã cộng dồn gốc và lãi suất nên thỏa thuận thống nhất cho bà trả dần không tính lãi, chỉ trả hết số nợ 1.150.000.000 đồng này. Đối với số tiền 51.000.000 đồng nguyên đơn cho rằng trả tiền lãi bà không đồng ý, vì bà trả dần tiền vốn không phải tiền lãi. Nay bà

đồng ý trả tổng số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn là 1.150.000.000 đồng trừ số gốc đã trả là 51 triệu đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Trung S. trình bày:

Ông không biết việc vay mượn giữa các bên đương sự và không đồng ý liên đới trả nợ với bà T.. Ông S. không có liên quan gì đến vụ án và xin xét xử vắng mặt.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân quận Ô. đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ô. đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước D., bà Phạm Thanh H. đối với bà Đỗ MinhTrang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước D., bà Phạm Thanh H. đối với ông Cao Trung S. về trách nhiệm liên đới với bà Đỗ MinhTrang.

Buộc bà Đỗ Minh T. có trách nhiệm trả cho ông Trần Phước D. và bà Phạm Thanh H. số tiền là 1.099.0000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời gian và phương thức thanh toán giữa các bên đương sự sẽ thực hiện tại Cơ quan thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà T. và ông S. có trách nhiệm liên đới trả số nợ cho nguyên đơn và phải trả lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà T. và ông S. có trách nhiệm liên đới trả số nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo Giấy nhận nợ ký ngày 15/3/2019, tuy nhiên phía nguyên đơn có nhận thêm số tiền lãi là 6.000.000 đồng nên đồng ý trừ vào số tiền lãi chậm trả đã nhận. Do đó đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Nguyên đơn đồng ý lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay thể hiện vào năm 2016 bà Đỗ Minh T. có vay của nguyên đơn 02 lần theo Biên nhận ngày nợ ngày 4/7/2016 al thể hiện số tiền nợ 780.000.000 đồng, lãi suất 3%. Biên nhận ngày 01/8/2016 al số tiền 370.000.000 đồng, không ghi nhận lãi. Sau đó bà T. không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 15/03/2019 al (nhằm ngày 19/4/2019 dương lịch) hai bên kết nợ với tổng số nợ là 1.150.000.000 đồng, không ghi nhận thỏa thuận lãi suất, không xác định thời hạn trả nợ. Bà T. thừa nhận và đồng ý trả dần số nợ này cho nguyên đơn theo thỏa thuận là không lãi, không thời hạn nên Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây là biên nhận kết nợ cho bà T. trả dần số tiền 1.150.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến khi tất nợ, thời gian được tính bắt đầu từ ngày 15/3/2019 nên không đồng ý tính lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng quy định. Bởi lẽ, từ khi viết cam kết trả nợ đến nay, phía bà T. chỉ trả cho ông D. số tiền 6.000.000 đồng đến ngày 19/7/2019 thì ngưng không thanh toán mặt dù ông D. đã nhắc nhở nhiều lần, nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định là có căn cứ, đúng theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*". Như vậy, việc bà T. và ông D. kết nợ cuối cùng là ngày 19/7/2019 nên có căn cứ buộc bà T. có trách nhiệm chịu lãi suất theo quy định kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ tới ngày xét xử phúc thẩm.

Đối với số tiền 51.000.000 đồng bà T. cho rằng trả gốc nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận trả gốc mà cho rằng trả lãi ở năm 2016, nhưng bà T. không có phản tố yêu cầu xem xét nên cần buộc bà T. trả số nợ gó 1.150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/3/2019.

Đối với yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới trả nợ giữa bà T. và ông Cao Trung S.. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà T. vì khi vay nợ ông S. không biết và nguyên đơn không chứng minh được việc bà T. vay tiền dùng vào mục đích chung của gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn cũng thừa nhận các lần vay nợ và kết nợ ông S. không xuất hiện chỉ

giao dịch với bà T. nên không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới của bà T. và ông S..

Từ những phân tích như trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Ô., thành phố Cần Thơ theo hướng buộc bà Đỗ Minh T. có trách nhiệm trả khoản nợ 1.150.000.000 đồng và lãi suất cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay nên cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng ông D. và bà H. kháng cáo yêu cầu bà T. và ông S. có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số nợ gốc theo giấy nhận nợ ngày 15/03/2019 AI (là ngày 19/4/2019 dương lịch) với số tiền vốn 1.150.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 19/7/2019 cho đến nay do phía nguyên đơn có nhận thêm 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) từ bà T.. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T. thừa nhận các biên nhận nợ và Giấy nhận nợ ngày 15/03/2019 (âm lịch) do bà tự ghi và ký tên. Thấy rằng, trong giấy nhận nợ này, bà T. ghi nhận tổng số nợ là 1.150.000.000 đồng, bà T. đã trả số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) trong khoảng thời gian cuối năm 2016 đến năm 2017, không ghi nhận thỏa thuận lãi suất, có xác định mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Như vậy, việc bà T. xác định vay của nguyên đơn theo giấy nhận nợ ngày 04/7/2016 là 780.000.000 đồng nhưng tại biên nhận này có thỏa thuận lãi suất là 3% tháng nên việc bị đơn trả số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) được xem là trả lãi suất chứ không phải trả vốn như lời trình bày của bị đơn. Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận sau khi chốt lại nợ phía bị đơn có trả thêm 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) đến tháng 7 năm 2019 là ngưng trả cho đến nay nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ 19/7/2019 là có cơ sở chấp nhận theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm giao kết thỏa thuận vay mượn tiền đến nay, nguyên đơn thừa nhận chỉ gặp và thỏa thuận giao tiền cho bà T., không giáp mặt với ông S.. Hiện nay, ông S. bà T. đã ly hôn theo quyết định số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2017 của Tòa án Nhân dân quận Ô.. Đồng thời Giấy nhận nợ sau cùng vào ngày 15/03/2019 AI (19/4/2019 dương lịch), thời điểm này ông S. và bà T. đã ly hôn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu ông S. có trách nhiệm liên đới là chưa đủ cơ sở nên không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà T. phải trả cho ông D. và bà H. số nợ gốc còn lại là 1.150.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ 19/7/2019 đến thời điểm hiện nay là 3 năm 7 tháng 19 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng là 418.152.000 đồng (Bốn trăm mười tám triệu một trăm năm mươi hai ngàn đồng)

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc sửa bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước D., bà Phạm Thanh H. đối với bà Đỗ Minh Trang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước D., bà Phạm Thanh H. đối với ông Cao Trung S. về trách nhiệm liên đới với bà Đỗ Minh T..

Buộc bà Đỗ Minh T. có trách nhiệm trả cho ông Trần Phước D. và bà Phạm Thanh H. số tiền là 1.568.152.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời gian và phương thức thanh toán giữa các bên đương sự sẽ thực hiện tại Cơ quan thi hành án theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà bà Đỗ Minh T. phải nộp số tiền 59.044.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô., thành phố Cần Thơ.

Bà Phạm Thanh H. được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.303.000 đồng theo biên lai thu số 0003346 ngày 29/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô., thành phố Cần Thơ.

Ông Trần Phước D. được miễn nộp án phí vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

- Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003496 ngày 29/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô., thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TP.Cần Thơ;
- TAND Q.Ô.;
- THADS Q.Ô.;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Tuyết Mai